

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN MÔ  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/ HNGĐ - ST  
Ngày 14 tháng 9 năm 2020  
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ, TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Ngọc Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Toàn

Ông Nguyễn Văn Cử

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Xuân Ngọc Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô tham gia phiên tòa:** Bà Giang Thị Quỳnh Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXX - ST ngày 11 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020 ngày 27/8/2020; giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Anh Vũ Quốc H , sinh năm 1982 ( có mặt)

HKTT:Xóm Trung, Liên Phương, xã Yên Nhân, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

*2. Bị đơn:*Chị Lê Thị L, sinh năm 1985 ( vắng mặt không có lý do)

Địa chỉ: Thôn Bái, xã Yên Thành, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 4 tháng 6 năm 2020, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Vũ Quốc H trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị L là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Nhân, vào ngày 30 tháng 12 năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, hai bên không có tiếng nói chung, tính tình không hợp, luôn bất đồng về quan điểm sống. Đỉnh điểm của mâu thuẫn vợ chồng là vào tháng

6/2015 chị L có lời nói không có văn hóa, thiếu lịch sự với bố mẹ chồng, sau việc làm đó chị L bỏ nhà bố mẹ đẻ ở xã Yên Thành để ở hai vợ chồng chấm dứt quan hệ từ đó cho đến nay. Do hai bên đã ly thân quá lâu, mỗi bên tự lo cho cuộc sống của riêng mình nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn anh đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho anh được ly hôn đối với chị L.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng 01 con chung: Cháu Vũ Thị Thanh L, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2015. Hiện nay cháu L đang do chị L trực tiếp, trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng. Khi ly hôn quan điểm của anh đề nghị Tòa án giao cho chị L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng; đối với việc cấp dưỡng nuôi con anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000đồng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu L đủ 18 tuổi .

Về tài sản chung và công nợ: Vợ chồng không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 10/6/2020 Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh H chị L. Tại buổi làm việc chị L xác định, chị kết hôn với anh H vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Nhân, sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian rất ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 6/2015 chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở Yên Thành để ở từ đó hai bên chấm dứt quan hệ vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Tại buổi làm việc chị có quan điểm từ chối đến Tòa án làm việc, từ chối nhận bất kỳ một văn bản tố tụng nào của Tòa án, chị L từ chối ký văn bản với lý do anh H và gia đình đã đuổi chị ra khỏi nhà nên chị không liên quan đến gia đình nhà anh H nữa. Chị cũng xác định chị và anh H có 01 con chung: Cháu Vũ Thị Thanh L, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2015. Hiện nay cháu L đang do chị trực tiếp, trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng; Chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô và Ủy ban nhân dân xã Yên Thành về quan hệ hôn nhân giữa anh Vũ Quốc H và chị Lê Thị L thể hiện: Chị Lê Thị L và anh Vũ Quốc H xây dựng gia đình với nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Nhân vào ngày 30/12/2014. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đến giữa năm 2015 chị L về Yên Thành sinh sống, chính quyền chỉ nắm được chị L về nhà mẹ đẻ ở, còn anh H không về Yên Thành; về con anh H chị L có 01 con chung, cháu Vũ Thị Thanh L, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2015. Hiện nay cháu L đang do chị L trực tiếp, trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng nếu ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; Về tài sản chung của vợ chồng thì chính quyền không nắm được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự theo Điều 63 BLTTDS; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên

Mô nghiên cứu đúng thời gian; việc xét xử vắng mặt bị đơn đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Lê Thị L không chấp hành các quy định về tố tụng dân sự, không chấp hành việc thông báo phiên kiểm tra chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Yên Mô xét xử vắng mặt chị Lịch là phù hợp với các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Quốc H cho anh H được ly hôn với chị Lê Thị L.

Về con chung: Giao cháu Vũ Thị Thanh L, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2015 cho chị Lê Thị L tiếp tục trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu L thành niên. Anh H có nghĩa vụ góp phí tổn nuôi con hàng tháng 800.000đồng kể từ tháng 9/2020 cho đến khi cháu L thành niên. Kể từ ngày chị Lê Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì anh Vũ Quốc H còn phải trả số tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án, theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Anh H phải nộp án phí ly hôn là 300.000đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 300.000đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1] Về tố tụng: Vụ án về tranh chấp ly hôn, giải quyết việc nuôi con giữa nguyên đơn anh Vũ Quốc H và chị Lê Thị L đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Do đó căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đến phiên tòa hai lần nhưng chị L đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa ngày 27/8/2020 Tòa án tiến hành mở phiên Tòa nhưng chị L không có mặt. Do đó Tòa án đã ra quyết định hoãn phiên tòa và phiên tòa được mở lại vào ngày 14/9/2020. Tòa án nhân dân huyện Yên Mô tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Thị L là có căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Quốc H và chị Lê Thị L xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 30 tháng 12 năm 2014. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Sau một

thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, ngoài ra anh H không quan tâm gì đến vợ con, nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Do cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, tháng 6 năm 2015 chị L bỏ về nhà mẹ đẻ tại thôn Bái, xã Yên Thành để ở, hai bên không quan tâm đến cuộc sống của nhau, vợ chồng chính thức ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc hôn nhân giữa anh H chị L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay anh H xin ly hôn chị L là có căn cứ nên chấp nhận đơn yêu cầu của anh H xử cho anh được ly hôn với chị L Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Anh H và chị L có một con chung, cháu Vũ Thị Thanh L, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2015. Hiện cháu L1 đang ở với chị L. Để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu, không bị sáo trộn về chỗ ở cũng như việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu thì việc giao cháu cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cháu là phù hợp.

Đối với tiền cấp dưỡng nuôi con, mặc dù tại buổi làm việc chị L không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng để chi nuôi con, nhưng để đảm bảo điều kiện về vật chất chăm sóc cháu, thì việc anh H tự nguyện cấp dưỡng hàng tháng với số tiền 800.000đồng là phù hợp nên ghi nhận sự tự nguyện đó.

Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình

[4] Tài sản chung và công nợ: Anh H chị L không có tài sản chung không yêu cầu xem xét giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Án phí: Anh H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39; các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Vũ Quốc H và chị Lê Thị L. Quan hệ hôn nhân của anh Vũ Quốc H và chị Lê Thị L chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Lê Thị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vũ Thị Thanh L1, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2015 cho tới khi cháu L1 thành niên;

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Anh Vũ Quốc H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 800.000đồng kể từ tháng 10/2020 cho đến khi cháu Vũ Thị Thanh L1 thành niên.

Kể từ ngày chị Lê Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì anh Vũ Quốc H còn phải trả số tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án, theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chị L anh H có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; các thành viên trong gia đình không ai được cản trở chị L anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Anh Vũ Quốc H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm ly hôn số tiền 300.000đ ( Ba trăm nghìn đồng); án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ ( Ba trăm nghìn đồng) Tổng hai khoản là 600.000đồng ( sáu trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002274 ngày 05 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Anh H còn phải nộp số tiền 300.000đ ( Ba trăm nghìn đồng);

Anh H có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên Mô;
- Chi cục THADS huyện Yên Mô;
- UBND xã Yên Nhân;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

**Phan Ngọc Hà**